

Chiến lược phát triển mạng lưới online và offline hỗ trợ tăng trưởng

MUA [+51%]

Giá hợp lý

Ngày cập nhật:

12/09/2022

Giá hiện tại

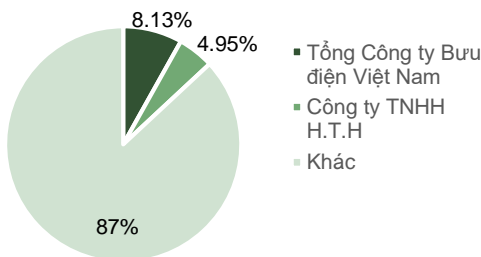
22,300 VND

14,800 VND

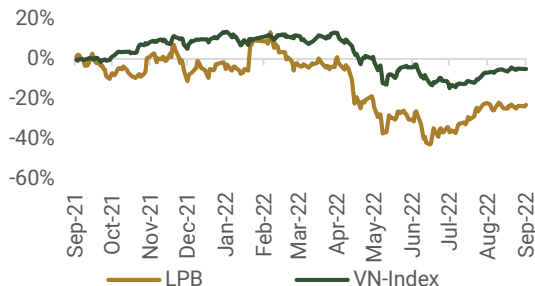
THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)	1,504
Free float (triệu)	1,278
Vốn hóa (tỷ VND)	23,681
KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)	7,034,508
Sở hữu nước ngoài (%)	5%
Ngày niêm yết đầu tiên	09/11/2020

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SO VỚI INDEX



LỊCH SỬ ĐỊNH GIÁ



Kết quả kinh doanh H1 2022: Kết thúc H1 2022, Lợi nhuận sau thuế của LPB trong H1 2022 tăng trưởng 77% YoY và đạt 2,855 tỷ đồng. NIM của LPB cải thiện 46 bps so với cuối năm 2021 lên 4.03%, thuộc top 9 ngân hàng có NIM cao nhất toàn ngành nhờ giảm áp lực chi phí huy động vốn. Tín dụng của LPB tăng trưởng 8.6% YTD, cải thiện mạnh mẽ so với mức giảm 0.6% vào cuối Q1/2022 nhờ mảng cho vay bán lẻ.

Thu nhập ngoài lãi của ngân hàng tăng trưởng ấn tượng 104% YoY lên 1,113 tỷ đồng nhờ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư và bancassurance. Tỷ lệ nợ xấu của LPB đạt 1.4% vào cuối H1 2022, tăng 7 bps so với cuối năm 2021, thấp hơn mức trung bình ngành là 1.5%.

Điểm nhấn đầu tư:

Mạng lưới giao dịch rộng khắp hỗ trợ tăng trưởng tín dụng. Năm 2021, tăng trưởng tín dụng của LPB đạt 18.1%, thuộc top 8 những ngân hàng có mức tăng trưởng tín dụng cao nhất, được hỗ trợ bởi lợi thế mạng lưới rộng khắp các huyện trên cả nước để triển khai tín dụng bán lẻ và tập trung vào phân khúc khách hàng nhỏ lẻ theo định hướng của ngân hàng. Đến cuối năm 2021, LPB có 480 điểm giao dịch, là một trong số những ngân hàng có mạng lưới lớn nhất Việt Nam.

Chiến lược đầu tư phát triển mạng lưới offline và online. Bên cạnh việc thực hiện chiến lược nâng cấp các điểm giao dịch bưu điện (PTO) thành phòng giao dịch ngân hàng (BTO) để người dân ở vùng nông thôn có thể tiếp cận được với dịch vụ tài chính, LPB cũng chú trọng phát triển ngân hàng số - LienViet24h với tầm nhìn lợi thế mạng lưới trở thành dòng chảy thúc đẩy phát triển ngân hàng số. Ban lãnh đạo tin rằng đầu tư mạng lưới cả online và offline sẽ mang đến kết quả doanh thu cao trong tương lai.

Định giá & khuyến nghị: Chúng tôi tin rằng với định hướng phát triển tín dụng bán lẻ tại các vùng nông thôn, LPB sẽ là một trong những ngân hàng được SBV ưu tiên trong việc cấp room tín dụng. Do đó, chúng tôi giữ nguyên dự phóng tăng trưởng tín dụng năm 2022 của LPB là 18.9%YTD. Chúng tôi duy trì ước tính NIM của LPB đạt 3.58%, đi ngang so với năm 2021.

Nhờ sự phục hồi của nền kinh tế Việt Nam trong H1 2022 và triển vọng lạc quan trong H2 2022, chúng tôi điều chỉnh giảm dự phóng tỷ lệ nợ xấu của LPB trong báo cáo trước xuống còn 1.5%.

Sử dụng phương pháp định giá chiết khấu thu nhập thặng dư (Residual Income) và P/B, chúng tôi xác định giá trị hợp lý đối với mỗi cổ phiếu LPB là 22,300VND/CP. Khuyến nghị: Mua đối với cổ phiếu này.

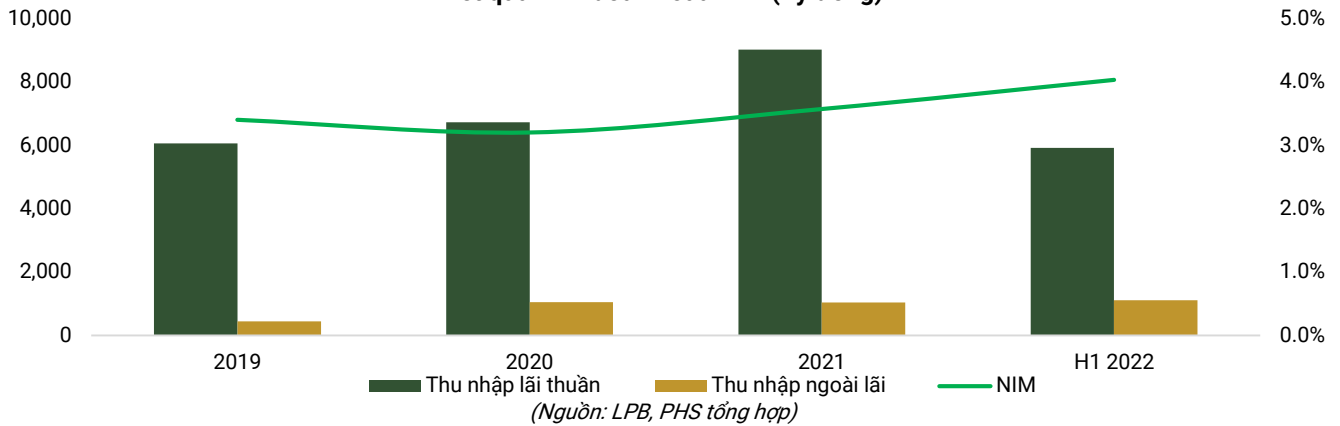
Rủi ro: (1) Rủi ro lãi suất; (2) Rủi ro nợ xấu; (3) Rủi ro cạnh tranh; (4) Hợp đồng bancassurance của Dai-ichi Life kết thúc vào năm 2021, đặt ra thách thức cho LPB kiếm đối tác để thúc đẩy thu nhập phí vào năm 2022 trở đi.

Chỉ số tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021A	2022F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	5,227	5,016	6,061	6,720	9,017	10,894
LNST (tỷ VND)	1,368	960	1,600	1,862	2,873	4,286
EPS (VND)	2,118	1,280	1,802	1,733	2,387	2,850
Tăng trưởng EPS (%)	30%	-30%	67%	16%	54%	19%
Giá trị sổ sách (VND)	14,525	13,601	14,165	13,244	13,960	16,016
P/E	4.9	8.1	4.1	4.9	8.2	7.8
P/B	0.7	0.8	0.5	0.6	1.4	1.4
Cổ tức (VND)	4%	0%	0%	0%	0%	0%

Kết quả kinh doanh H1 2022

Kết thúc H1 2022, thu nhập lãi thuần của LPB tăng trưởng mạnh mẽ 40% YoY lên 5,921 tỷ đồng, đóng góp 84% vào Thu nhập hoạt động. Thu nhập ngoài lãi của ngân hàng tăng trưởng ấn tượng 104% YoY lên 1,113 tỷ đồng, đóng góp 16% vào Thu nhập hoạt động. Lợi nhuận sau thuế của LPB trong H1 2022 tăng trưởng 77% YoY và đạt 2,855 tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh của LPB (Tỷ đồng)

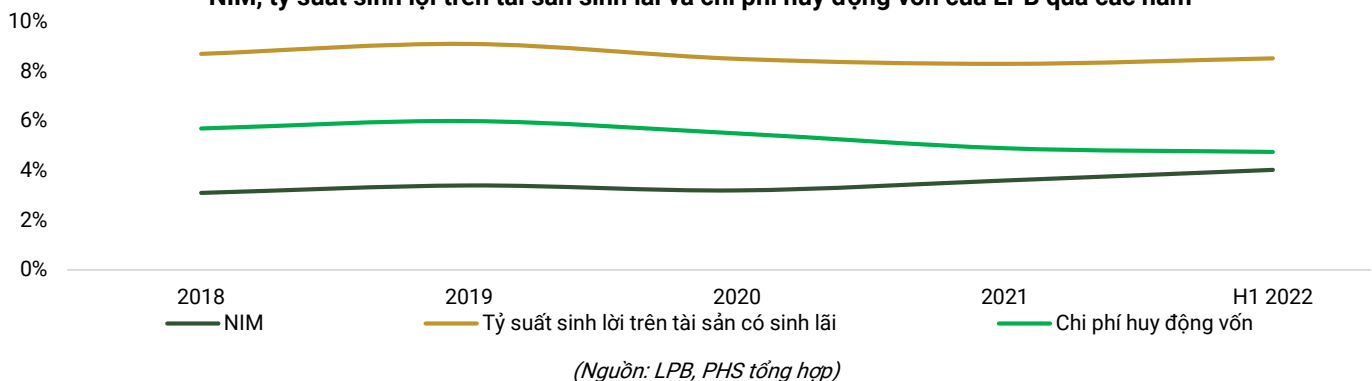


Kết thúc H1 2022, NIM của LPB cải thiện 46 bps so với cuối năm 2021 lên 4.03%, thuộc top 9 ngân hàng có NIM cao nhất toàn ngành. NIM của LPB mở rộng nhờ giảm áp lực chi phí huy động vốn với Lãi suất trên Nợ chịu lãi giảm 14 bps so với cuối năm 2021 còn 4.75% trong H1 2022. Dù cải thiện tích cực, nhưng Lãi suất trên Nợ chịu lãi của LPB thuộc top 25% cao nhất ngành.

(1) Lãi suất trên tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trung bình trong 12 tháng gần nhất giảm 42 bps so với cuối năm 2021 còn 5.3%. Lãi suất tiền gửi có xu hướng tăng trong thời gian tới, khi lãi suất tiền gửi niêm yết tối đa của LPB đã mở rộng từ 7.8% vào cuối năm 2021 lên 8.2% vào cuối H1 2022.

(2) Lãi suất phát hành giấy tờ có giá trung bình trong 12 tháng gần nhất giảm 52 bps so với cuối năm 2021 còn 5.12%. Dù vậy, chúng tôi cho rằng lãi suất phát hành giấy tờ có giá của LPB sẽ tăng mạnh trong thời gian tới do trong H1 2022, ngân hàng đã phát hành thêm 2,112 tỷ đồng giấy tờ có giá, tăng 5.7% YTD, tập trung vào kỳ hạn dài trên 5 năm với lãi suất cao từ 7.35%-8.13%.

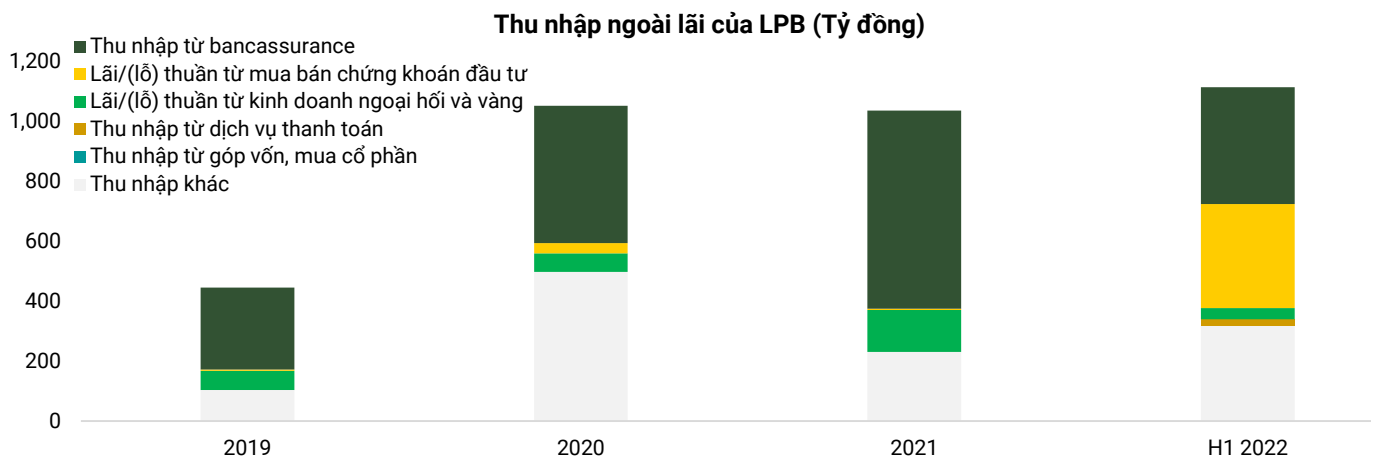
NIM, tỷ suất sinh lợi trên tài sản sinh lãi và chi phí huy động vốn của LPB qua các năm



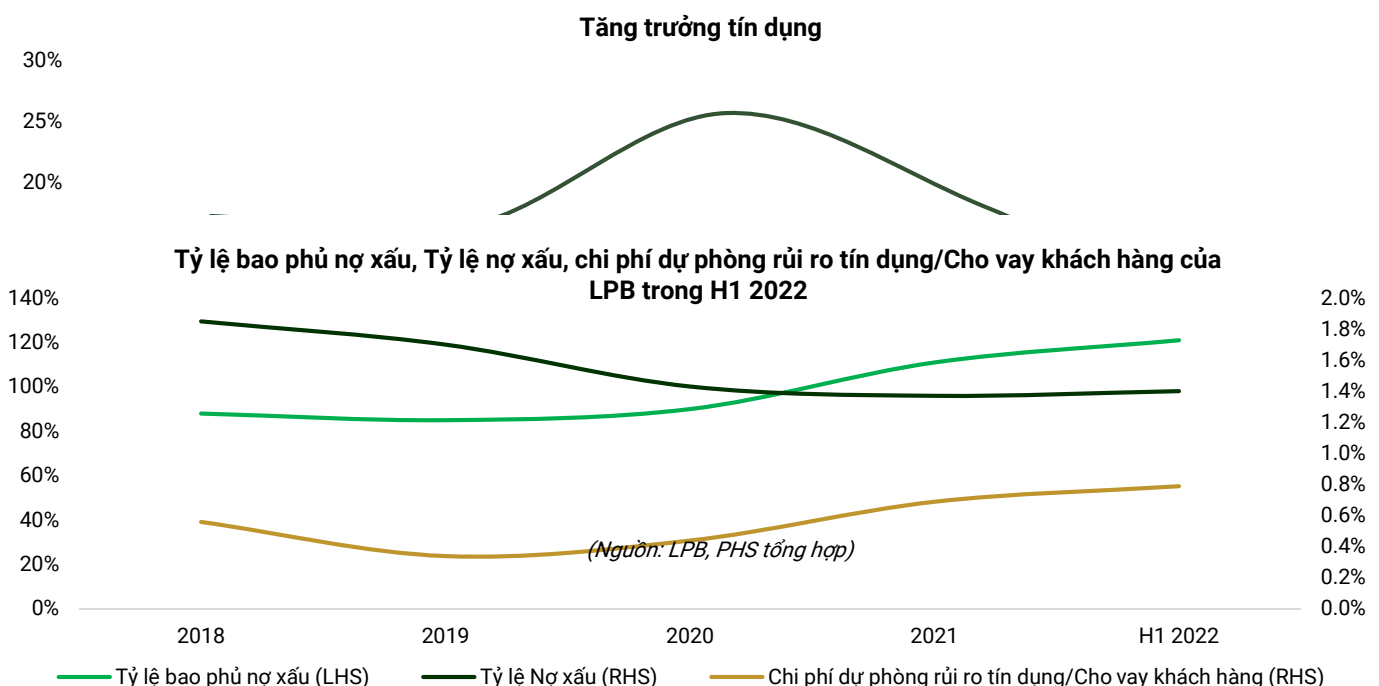
Hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư và bancassurance là động lực thúc đẩy thu nhập ngoài lãi.

(1) Doanh thu bancassurance tăng mạnh 48.5%YoY lên 389 tỷ đồng, đóng góp tỷ trọng lớn nhất 35% vào Thu nhập ngoài lãi.

(2) Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư tăng mạnh từ 2 tỷ đồng trong H1 2021 lên 347 tỷ đồng trong H2 2022, qua đó đóng góp 31.2% vào Thu nhập ngoài lãi. Kết quả khả quan của hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư là thu nhập một lần do LPB bán 32.8 triệu cổ phiếu STB.



Kết thúc 6 tháng đầu năm 2022, tín dụng của LPB tăng trưởng 8.6% YTD, cải thiện mạnh mẽ so với mức giảm 0.6% vào cuối Q1/2022. Tăng trưởng tín dụng trong H1 2022 được hỗ trợ bởi mảng cho vay bán lẻ tăng trưởng mạnh mẽ ở mức 22.8% YTD lên 119 tỷ ngàn đồng, chiếm 52.6% dư nợ cho vay.



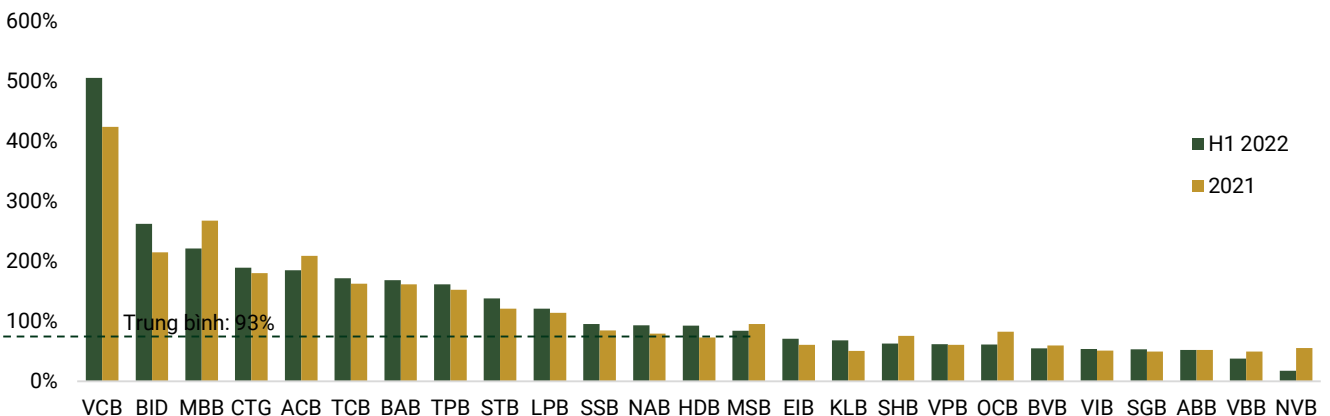
Tỷ lệ nợ xấu của LPB đạt 1.4% vào cuối H1 2022, tăng 7 bps so với cuối năm 2021, thấp hơn mức trung bình ngành là 1.5%. Hơn nữa, nợ cần chú ý của LPB tăng mạnh 73.4%YTD lên 2,860 tỷ đồng, chiếm 1.3% dư nợ Cho vay khách hàng.

Tăng mức trích lập dự phòng tạo ra bộ đệm vốn cần thiết để bảo vệ LPB trước rủi ro gia tăng nợ xấu. Kết thúc H1 2022, tỷ lệ bao phủ nợ xấu của LPB đạt 121.3%, cải thiện so với mức 114.1% vào cuối năm 2021, cao hơn mức trung bình ngành là 93%.

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 54% YoY lên 949 tỷ đồng. Tỷ lệ chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/Cho vay khách hàng đạt 0.79%, cao hơn mức trung bình ngành là 1.17%.

(Nguồn: LPB, PHS tổng hợp)

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của các ngân hàng trong H1 2022 so với cuối năm 2021



(Nguồn: PHS tổng hợp)

Dự phóng kết quả kinh doanh 2022

Đvt : tỷ đồng	2018	2019	2020	2021	2022E
Thu nhập lãi thuần	5,016	6,061	6,720	9,017	10,894
%YoY	-4%	21%	11%	34%	21%
Thu nhập ngoài lãi	-136	445	1,051	1,035	1,748
%YoY	N/A	N/A	136.2%	-1.5%	69%
Lợi nhuận sau thuế	960	1,600	1,862	2,873	4,286
%YoY	-29.8%	66.7%	16.4%	54.3%	49%
Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập HĐ	103%	93%	87%	90%	86%
Tỷ lệ chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập HĐ	63%	62%	60%	51%	44%
Tỷ lệ trích Dự phòng/ Tổng thu nhập HĐ	13%	7%	9%	13%	14%

Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2022 được kỳ vọng có nhiều chuyển biến tích cực. Các tổ chức tài chính quốc tế đã có những dự báo lạc quan về tăng trưởng GDP Việt Nam 2022: World Bank (7.5%), Standard Charter (6.7%), Moody (8.5%), Ngân hàng UOB (7%), v.v. Để hỗ trợ nền kinh tế, Ngân hàng Nhà Nước (SBV) sẽ nới room tín dụng trong thời gian tới. Dù vậy, để kiểm soát lạm phát và ổn định tỷ giá, nhà điều hành chưa nới room cho đến tháng 8/2022. Kết thúc H1 2022, tín dụng của LPB tăng trưởng 8.6% YTD. Chúng tôi tin rằng với định hướng phát triển tín dụng bán lẻ tại các vùng nông thôn, LPB sẽ là một trong những ngân hàng được SBV ưu tiên trong việc cấp room tín dụng. Do đó, chúng tôi giữ nguyên dự phóng tăng trưởng tín dụng năm 2022 của LPB là 18.9%YTD.

Kết thúc H1 2022, NIM của LPB đã cải thiện 46 bps so với cuối năm 2021. Dù vậy, chúng tôi cho rằng xu hướng tăng lãi suất sẽ diễn ra nhanh chóng hơn vào H2 2022, gây áp lực đến NIM của LPB trong H2 2022. Qua đó, chúng tôi duy trì ước tính NIM của LPB đạt 3.58%, đi ngang so với năm 2021.

Ngân hàng Nhà Nước ban hành Thông tư 14/2021/TT-NHNN (Thông tư 14) sửa đổi Thông tư 01/2020/TT-NHNN (Thông tư 01) và Thông tư 03/2021/TT-NHNN cho phép kéo dài thời gian cơ cấu nợ đến ngày 30/06/2022. Kết thúc H1 2021, tỷ lệ Nợ xấu của LPB đạt 1.4%. Nhờ sự phục hồi của nền kinh tế Việt Nam trong H1 2022 và triển vọng lạc quan trong H2 2022, chúng tôi điều chỉnh giảm dự phóng tỷ lệ nợ xấu của LPB trong báo cáo trước xuống còn 1.5%.

Hơn nữa, Thông tư 14 không điều chỉnh tiến độ trích lập dự phòng, tức là các ngân hàng sẽ tiếp tục thực hiện trích bổ sung phần chênh lệch theo tiến độ đã quy định tại Thông tư 01, tối thiểu là 30%, 60% và 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung trong các năm 2021, 2022, 2023. Do đó, chúng tôi duy trì chi phí trích lập dự phòng năm 2022 của LPB tăng 29.7% YoY lên 1,714 tỷ đồng.

Định giá và khuyến nghị

Sử dụng phương pháp định giá chiết khấu lợi nhuận thặng dư (Residual Income) và P/B, chúng tôi duy trì mức giá hợp lý đối với LPB là 22,300 VNĐ/CP, tương ứng mức P/E và P/B forward 2022 lần lượt là 7.8x và 1.4x. Qua đó, chúng tôi đưa ra khuyến nghị: Mua cho cổ phiếu LPB, với upside so với giá hiện tại là 51%.

Định giá theo thu nhập thặng dư

Các tiêu chí (Đvt : tỷ đồng)	2022E	2023E	2024E	2025E	2026E
Chi phí VCSH	13.3%	13.3%	13.3%	13.3%	13.3%
Chi phí VCSH dài hạn					13.3%
Tăng trưởng dài hạn sau 2026					3.0%
Lợi nhuận ròng	4,286	4,830	5,742	6,608	7,373
Thu nhập thặng dư	2,051	1,626	1,896	1,998	1,884
Giá trị hiện tại của Thu nhập thặng dư (5 năm)	1,805	1,268	1,308	1,219	1,017
Giá trị hiện tại của Giá trị cuối cùng					10,174
Tổng giá trị hiện tại của dòng thu nhập thặng dư	16,791				
Vốn chủ sở hữu	16,802				
Cổ phiếu lưu hành (triệu cổ phiếu)	1.504				
Giá hợp lý	22,336				

Phương pháp P/B

Giá trị sổ sách/CP	16,016
P/B trong 12 tháng gần nhất	1.39
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	22,262

	Residual Income	P/B	Giá hợp lý
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	22,336	22,262	22,300 VNĐ/cp
Tỷ trọng	80%	20%	

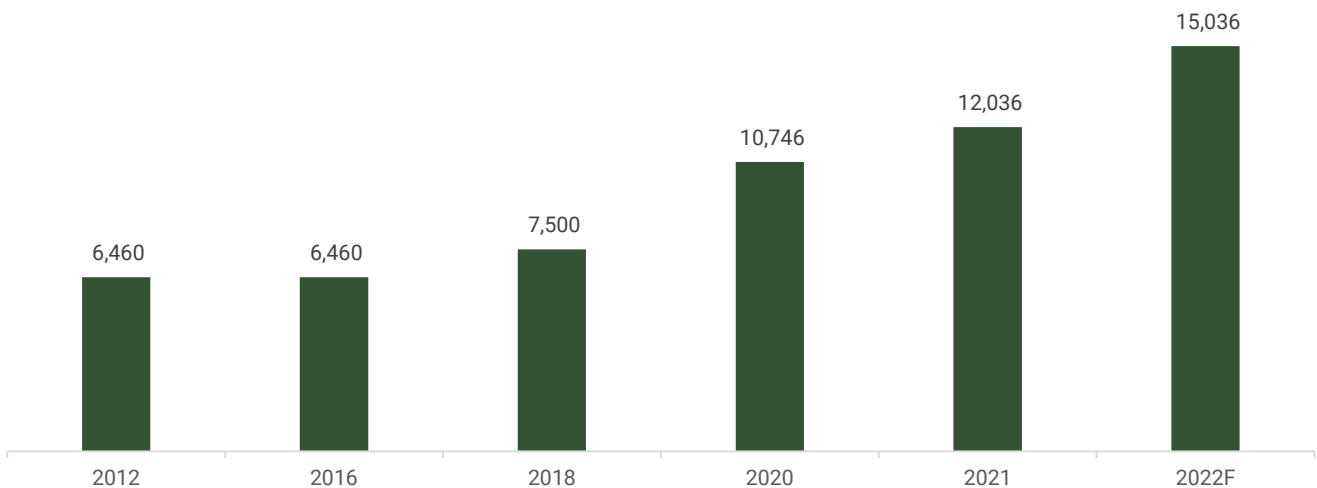


Sơ lược công ty

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt (LPB) được thành lập vào năm 2008, một trong những ngân hàng mới với hiệu suất cao trong lĩnh vực ngân hàng Việt Nam. Ngân hàng được sáp nhập với Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện - VPSC (một công ty con của VNPT), được đổi tên thành Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Sau khi sáp nhập với VPSC, LPB đã nhận được hơn 10.000 điểm giao dịch bưu điện mở rộng mạng lưới hoạt động lớn trong toàn quốc. Các đơn vị sáng lập của LPB là Công ty cổ phần Him Lam, Công ty Thương mại Sài Gòn (SATRA), và Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO). Ngân hàng cũng có quan hệ đối tác với các Tổ chức quốc gia và quốc tế như: (i) các tổ chức quốc gia Viettel, EVN, (ii) La Poste Group, Viện tiết kiệm Ngân hàng thế giới, Cơ quan Thương mại và Phát triển Mỹ (USTDA), JP Morgan Chase, Wells Fargo và Ngân hàng Công thương Trung Quốc (ICBC). LPB được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ tháng 10/2020.

Quá trình tăng vốn (Tỷ VND)

Vốn điều lệ (Tỷ VND)



(Nguồn: LPB, PHS dự phóng)

Báo cáo tài chính

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E
Thu nhập lãi	13,856	16,260	17,869	20,926	24,879
Chi phí lãi	(8,841)	(10,199)	(11,149)	(11,908)	(13,985)
Thu nhập lãi thuần	5,016	6,061	6,720	9,017	10,894
Thu nhập ngoài lãi	393	740	1,045	1,249	1,759
Tổng thu nhập hoạt động	4,879	6,507	7,771	10,051	12,642
Chi phí hoạt động	(3,048)	(4,032)	(4,645)	(5,090)	(5,569)
Lợi nhuận thuần trước dự phòng	1,831	2,475	3,126	4,961	7,073
Chi phí dự phòng	(618)	(436)	(699)	(1,322)	(1,715)
Tổng lợi nhuận trước thuế	1,213	2,039	2,427	3,638	5,358
Chi phí thuế	(253)	(439)	(565)	(765)	(1,072)
Lợi nhuận sau thuế	960	1,600	1,862	2,873	4,286

Cân đối kế toán	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E
Tiền và tương đương tiền	1,664	1,214	3,499	2,751	2,619
Tiền gửi tại NHNN	6,256	6,622	6,759	9,868	10,520
Tiền gửi tại các TCTD	5,108	11,664	13,959	22,438	32,309
Đầu tư ngắn hạn	66	88	497	318	353
Cho vay Khách hàng	119,193	140,523	176,622	208,954	248,433
Dự phòng rủi ro cho vay	(1,483)	(1,721)	(2,265)	(3,171)	(4,236)
Chứng khoán đầu tư	35,666	34,796	33,360	38,689	44,525
Góp vốn, đầu tư dài hạn	325	325	316	316	316
Tài sản cố định	986	1,035	1,147	1,093	1,159
Tài sản khác	6,838	7,045	7,975	7,446	7,672
Tổng cộng tài sản	175,095	202,058	242,343	289,194	344,192
Tổng nợ phải trả	164,894	189,478	228,111	272,392	320,104
Nợ Chính phủ & NHNN	7,345	287	224	1,703	422
Tiền vay của các TCTD	16,441	17,533	14,745	46,281	46,281
Tiền gửi của khách hàng	124,948	136,847	174,526	180,276	223,829
Giấy tờ có giá	10,120	28,156	32,251	36,738	40,927
Các khoản nợ khác	6,040	6,655	6,365	7,394	8,645
Vốn chủ sở hữu	10,201	12,580	14,232	16,802	24,088
Tổng nguồn vốn	175,095	202,058	242,343	289,194	344,192

Chỉ tiêu tăng trưởng	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E
Tăng trưởng tín dụng	18.5%	17.9%	25.7%	18.1%	18.9%
Tăng trưởng huy động tiền gửi	-2.6%	9.5%	27.5%	3.3%	24.2%
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	-4.0%	20.8%	10.9%	34.2%	20.8%
Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi	156.9%	88.3%	41.2%	20.0%	22.2%
Tăng trưởng thu nhập hoạt động	-4.4%	33.4%	19.4%	29.3%	25.8%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	-31.4%	68.1%	19.0%	49.9%	47.3%
Tăng trưởng tổng tài sản	7.1%	15.4%	19.9%	19.3%	19.0%
Tăng trưởng Tài sản Có sinh lãi (IEA)	6.6%	16.5%	19.1%	21.2%	19.8%
Tăng trưởng Nợ chịu lãi (IBL)	6.4%	15.1%	21.3%	19.5%	17.5%
Tăng trưởng Vốn điều lệ	15.9%	18.3%	20.1%	12.0%	24.9%

Chỉ số tài chính	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E
Khả Năng Sinh Lãi					
Tỷ trọng thu nhập lãi thuần	102.8%	93.1%	86.5%	89.7%	86.2%
Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi	-2.8%	6.9%	13.5%	10.3%	13.8%
Tỷ suất LN ròng	19.7%	24.6%	24.0%	28.6%	33.9%
ROAA	0.6%	0.8%	0.8%	1.1%	1.4%
ROAE	9.8%	14.0%	13.9%	18.5%	21.0%
Chỉ số riêng					
Tỷ lệ Chi Phí/ Thu nhập HĐ (CIR)	62.5%	62.0%	59.8%	50.6%	44.1%
Tỷ lệ cho vay/ Tiền gửi (LDR) ^(*)	78.9%	76.2%	78.9%	78.2%	78.5%
Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM)	3.1%	3.4%	3.2%	3.6%	3.6%
Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi cận biên (NNIM)	-0.1%	0.2%	0.5%	0.4%	0.6%
Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA)	18.2%	14.4%	14.5%	9.9%	7.4%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	1.41%	1.44%	1.43%	1.51%	1.5%
Tỷ lệ quỹ DPRR/Nợ xấu (LLR)	88.2%	84.8%	89.6%	110.7%	113.7%
Tỷ lệ quỹ DPRR/Dư nợ cho vay KH	1.2%	1.2%	1.3%	1.5%	1.7%

(*) Tỷ lệ LDR được tính theo thông tư 36/2014/TT-NHNN

(Nguồn: PHS tổng hợp)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Nguyễn Thị Thảo Vy, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 8 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân

Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby

81-83-83B-85 Hàm Nghi,

Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị

Sáu, Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,

251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân

Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,

N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa,

Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,

Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai

Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo,

Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801